

Số: **825**/GCN-BXD

Hà Nội, ngày **02** tháng **7** năm 2019

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty cổ phần tư vấn và kiểm định xây dựng Hoàng Kim và Biên bản đánh giá tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 14/6/2019,

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty cổ phần tư vấn và kiểm định xây dựng Hoàng Kim,
Mã số thuế: 2802298017
Địa chỉ: Thôn 5, xã Thiệu Trung, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.
Tên phòng thí nghiệm: Phòng Thí nghiệm và Kiểm định công trình xây dựng
Địa chỉ phòng thí nghiệm: Lô 109 MBQH 6804, Phường Phú Sơn, Tp. Thanh Hoá
đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.
2. Mã số phòng thí nghiệm: **LAS - XD 1354**
3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày cấp và thay thế Quyết định số 666/QĐ-BXD ngày 09/12/2015 của Bộ Xây dựng./.

Nơi nhận:

- Công ty cổ phần tư vấn và kiểm định xây dựng Hoàng Kim;
- Sở XD Thanh Hóa;
- TT Thông tin (website);
- Lưu VT, Vụ KHCN&MT

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG



Vũ Ngọc Anh

DANH MỤC CÁC PHÉP THỬ CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS - XD 1354

(Kèm theo Giấy chứng nhận số: 825/GCN-BXD, ngày 02 tháng 7 năm 2019
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
1	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG	
	Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 4030:2003
	Xác định giới hạn bên uốn và nén	TCVN 6016:2011
	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015
2	HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG	
	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:93
	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:93
	Xác định độ tách nước tách vữa	TCVN 3109:03
	Thí nghiệm phân tích thành phần hỗn hợp bê tông	TCVN 3110:93
	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:93
	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:93
	Xác định độ mài mòn	TCVN 3114:93
	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:93
	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:93
	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:93
	Xác định cường độ kéo khi bừa	TCVN 3120:93
	Xác định cường độ lắng trụ và mô đun đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 5726:93
3	THỬ CỐT LIỆU CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA	
	- Thành phần cỡ hạt; Hướng dẫn xác định thành phần thạch học; Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước; Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn; Xác định khối lượng thể tích và độ xốp và độ hồng; Xác định độ ẩm; Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và HL sét cục trong cốt liệu nhỏ; Xác định tạp chất hữu cơ; Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc; Xác định độ nén đập và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn; Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles); Xác định hàm lượng hạt thổi dẹt trong cốt liệu lớn; Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá; Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ; Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572:06
	Xác định hệ số đương lượng cát (ES)	AASHTO T176-87; ASTM D 2419:08
4	THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG	
- Xác định độ lưu động của vữa tươi; Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi; Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi; Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn; Xác định cường độ uốn và cường độ nén của vữa đã đông rắn; Xác định cường độ bám dính của vữa đã đông rắn; Xác định độ hút nước của vữa đã đông rắn	TCVN 3121:2003	
5	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH ĐÁT SÉT NUNG	
- Xác định kích thước hình học và khuyết tật ngoại quan; Xác	TCVN 6355:2009	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
	định cường độ bền nén; Xác định cường độ bền uốn; Xác định độ hút nước; Xác định khối lượng thể tích, khối lượng riêng; Xác định độ rỗng	
6	THÍ NGHIỆM ĐẤT TRONG PHÒNG	
	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:12
	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:12
	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:12
	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:12
	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:12
	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 4199:12
	Xác định tính nén lún không nở hông của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 4200:12
	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng): PP dao vòng	TCVN 4202:12
	Đầm nén đất, đá dăm trong phòng thí nghiệm	22TCN 333- 06
	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR)- Trong phòng thí nghiệm (California bearing Ratio)	22TCN 332- 06
7	THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG	
	Xác định modul đàn hồi của nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp tẩm ép cứng	TCVN 8861: 11
	Độ ẩm; khối lượng TT của đất trong lớp kết cấu bằng PP rót cát	22TCN 346: 06
	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866: 11
	Độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864: 11
	Xác định modul đàn hồi theo độ võng đàn hồi dưới bánh xe bằng cần Benkelman	TCVN8867: 11
	Xác định khối lượng thể tích của đất tại hiện trường bằng phương pháp dao đai	22 TCN 02: 71
	Thí nghiệm cọc – phương pháp thí nghiệm bằng tải trọng ép dọc trục	TCVN 9393: 12
	Thí nghiệm đo điện trở	TCVN 9385: 12
8	BÊ TÔNG NHỰA	
	- Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall; Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy ly tâm; Xác định thành phần hạt; Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng ở trạng thái rời; Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng ở trạng thái đã đầm nén; Xác định độ chảy nhựa; Xác định độ góc cạnh của cát; Xác định hệ số độ chặt lu lèn; Xác định độ rỗng dư; Xác định độ rỗng cốt liệu; Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa; Xác định thành phần bê tông nhựa	TCVN 8860:11
9	NHỰA BITUM	
	Xác định độ kim lún	TCVN 7495 : 2005
	Xác định độ kéo dài	TCVN 7496 : 2005
	Xác định nhiệt độ hoá mềm (phương pháp vòng bi)	TCVN 7497 : 2005
	Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 7498 : 2005

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
	Xác định lượng tổn thất sau khi đun nóng	TCVN 7499 : 2005
	Xác định lượng hoà tan trong Trichloroethylene	TCVN 7500 : 2005
	Xác định khối lượng riêng	TCVN 7501 : 2005
	Xác định độ bám dính với đá	TCVN 7504 : 2005
10	BỘT KHOÁNG TRONG BTN	
	- Hình dáng bề ngoài; Thành phần hạt; Lượng mất khi nung; Hàm lượng nước; Khối lượng riêng của bột khoáng chất; Khối lượng thể tích và độ rỗng của bột khoáng chất; Hệ số háo nước; Hàm lượng chất hoà tan trong nước; Độ trương nở thể tích của hỗn hợp bột khoáng chất và nhựa đường; Chỉ số hàm lượng nhựa của bột khoáng; Xác định KLG của bột khoáng chất và nhựa đường; Xác định KLTT và độ rỗng dư của hỗn hợp bột khoáng chất và nhựa đường.	22TCN 58:84
11	KIM LOẠI, HÀN	
	Thử kéo	TCVN 197:2014
	Thử uốn	TCVN 198:2008
	Kiểm tra chất lượng mối hàn – Thử uốn	TCVN 5401:2010
	Kiểm tra chất lượng mối hàn – Thử kéo	TCVN 5403:2010
	Thử phá huỷ mối hàn trên vật liệu kim loại – Thử kéo ngang	TCVN 8310:2010
	Thử phá huỷ mối hàn trên vật liệu kim loại – Thử kéo dọc	TCVN 8311:2010
	Thử kéo Bu lông	TCVN 1916:95
12	GẠCH BŁÓC BỀ TÔNG	
	Xác định kích thước hình học và khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ bền nén; Xác định độ rỗng; Xác định độ thấm nước; Xác định độ hút nước	TCVN 6477:2016
13	NƯỚC XÂY DỰNG	
	Xác định vẩn dầu mỡ quan sát bằng mắt thường	TCVN 4506:12
	Xác định mùi, màu, sắc, vị nước quan sát bằng mắt thường	TCVN 4506:12
	Lượng tạp chất hữu cơ	TCVN 2671:78
	Xác định độ pH	TCVN 2492:99
	Xác định hàm lượng muối hoà tan	TCVN 4560:12
	Xác định hàm lượng cặn không tan	TCVN 4560:12
	Xác định hàm lượng Clorua (CL-)	TCVN 6194:96
	Xác định hàm lượng Sunfat (SO4-)	TCVN 6200:96

Ghi chú (*) - Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.